Machine Translated by Google

SỰ MIÊU TẢ:

Nukote Chemshield FC là hệ thống thành phần đa dạng bao gồm chất kết dính polyme độc quyền, mang lại hiệu suất tuyệt vời trong môi trư ờng ăn mòn cao, hóa chất và mài mòn, ở nhiệt độ môi trư ờng xung quanh hoặc nhiệt độ cao. Sản phẩm này đư ợc thiết kế để sử dụng trong công nghiệp ở nhiệt độ cao và sẽ duy trì các đặc tính vật lý của nó khi tiếp xúc liên tục ở nhiệt độ không đổi cao trong cả điều kiện tiếp xúc và ngâm. Nukote Chemshield FC có khả năng chống lại nhiều dung môi, hydrocarbon, hơ i nư ớc, hóa chất bao gồm nồng độ cao axit clohydric, axit sunfuric, kiềm, dầu khoáng, dầu cắt, khói lư u huỳnh, nư ớc biển, ở nhiệt độ môi trư ờng xung quanh hoặc nhiệt độ cao. Nukote Chemshield FC có khả năng liên kết tốt với bề mặt cao su, kim loại cũng như bê tông và cũng phù hợp trong các ứng dụng đông lạnh. Chemshield FC rất phù hợp để lót các bình tiếp xúc trực tiếp liên tục với axit clohydric ở nhiệt độ cao và khói axit.

ĐẶC TRƯ NG:

100% chất rắn có khả năng chống chịu tuyệt vời với thiết bị tiếp xúc với chất lỏng quy trình áp suất cao và hỗn hợp khí
Tự mồi, đóng rắn nhanh và có thể sử dụng lại trong vòng 24 giờ
Khả năng kháng hóa chất tuyệt vời với nhiều loại hóa chất
Khả năng chống chịu tuyệt vời với hydrocarbon, nư ớc và khí giàu H2S và CO2
Chống lại quá trình giải nén nhanh và thoát hơ i nư ớc
Liên kết tốt với cao su và liên kết bền với kim loại
Khả năng chịu nhiệt độ cao - lên đến 200 °C (390 °F)
Dễ cháy mà không bị cacbon hóa
Chống xói mòn, mài mòn và va đập tốt

CÁCH SỬ DỤNG ĐIỂN HÌNH:

Lớp phủ bên trong và bên ngoài cho đư ờng ống dòng chảy và đư ờng ống truyền tải
Bồn chứa xăng dầu và hóa chất, thiết bị xử lý, tàu chở hàng rời
Đư ợc thiết kế đặc biệt cho bình áp suất khí/bình tách và ống dư ới giếng
Giàn khoan và giàn khoan ngoài khơ i
Đư ờng ống dẫn khí chua và thiết bị xử lý.
Sửa chữa thép rỗ

MÀU SẮC:

Chỉ có màu xám tiêu chuẩn.

ĐÓNG GÓI:

Bộ dụng cụ 3,5 gallon (14 lít), đư ợc vận chuyển trong thùng nhựa chứa 3 gallon (12 lít) ở mặt A và 0,5 gallon (2 lít) ở mặt B.
Bộ dụng cụ 0,85 gallon (3,22 lít), đư ợc vận chuyển trong các thùng nhựa chứa 0,73 gallon (2,76 lít) mặt A và 0,12 gallon (0,46 lít) phía B.

PHẠM VI BẢO HIỂM:

Nukote Chemshield FC có thể đư ợc áp dụng ở bất kỳ tỷ lệ nào để đạt đư ợc độ dày mong muốn. Tính toán cho phạm vi phủ lý thuyết: 40 Ft2 /gal @ 40 mils (1 m^2/lít @ 1mm).

KHO:

Machine Translated by Google

CLB Bóng đá NUKOTE Chemshield

Từ mư ời tám đến hai mư ơ i bốn tháng trong nhà máy giao hàng, thùng chư a mở. Lư u trữ trên pallet và tránh xa nhiệt độ cao, đóng băng và độ ẩm. Khuyến khích sử dụng máy sư ởi thùng để giảm độ nhớt của vật liệu ở nhiệt độ thấp.

DỮ LIỆU KỸ THUẬT (Tất cả các giá trị @ 77 °F / 25 °C)	CHÚNG TA	Hệ mét
Chất rắn theo thể tích (ASTM D2697)	100%	100%
Hợp chất hữu cơ dễ bay hơ i (ASTM D2369)	0 lb/gallon	0 gam/lít
Phạm vi lý thuyết	40 ft2 /gal ở 40 mils	1m2 / lít @ 1mm
Trọng lư ợng riêng của vật liệu (ASTM D792)	A: 13,5, B: 9,01 lbs./gal	A: 1,62, B: 1,08 kg/lít
Độ nhớt ở 77 °F /25 °C tính bằng cps ±10% (ASTM D4878)	A-300000, B-4000	A-300000, B-4000
Thời hạn sử dụng ở 77 °F /25 °C	18 đến 24 tháng	12 đến 18 tháng
Độ bền kéo (ASTM D412-C)	4350 đến 5100 psi	30 đến 35MPa
Độ giãn dài (ASTM D412-C)	0,1-2%	0,1-2%
Độ cứng (ASTM D2240)	90 Bờ D	90 Bờ D
Độ bền uốn (ASTM D790)	7250 - 8700 psi	50 - 60MPa
Hấp thụ nư ớc -24 giờ (ASTM D570)	< 0,5%	< 0,5%
Lực kéo dính (ASTM D1002)	2500-3000 psi	17-21MPa
Mệt mỏi do nhiệt ASTM D 6944 (-31 °F/ -35 °C đến 248 °F/ 120 °C,)- 20 chu kỳ	Không nứt, không kiểm tra, không phồng rộp hoặc mất độ bám dính	
Kiểm tra áp suất lỗ kim @ 1400 psi (100 kgf/cm2) lỗ 1/8”(3 mm), 30 phút (kiểm tra nội bộ)	Vư ợt qua	
Khả năng chống va đập (ASTM D 256) Thử nghiệm va đập Izod (ngư ợc lại)	10,1 in.lbs/in	45J/phút
Điểm chớp cháy Pensky Martin	Không có	Không có
Nhiệt độ phục vụ Khô, Nhúng, Nhúng *	345 °F ,400°F, 300°F	175 °C, 200 °C, 150 °C
Độ mài mòn (ASTM D4060) giảm cân	< 45 mg mất Taber CS 17 bánh xe 1Kg/1000 vòng	
TÍNH CHẤT XỬ LÝ (Trong điều kiện phòng thí nghiệm tiêu chuẩn)		
Tỷ lệ pha trộn V/V	6A : 1B	
Thời gian gel	15 đến 20 phút	
Thời gian không dính (phụ thuộc vào DFT và nhiệt độ)	30 đến 45 phút	
Thời gian sau khi bảo dư ỡng	4 đến 6 giờ	
Các đặc tính và giá trị phụ thuộc rất nhiều vào thiết bị, súng phun, nhiệt độ buồng trộn, áp suất và các thông số liên quan. Có thể có và dự kiến có sự thay đổi. .* Vui lòng tham khảo NCSI trư ớc khi sử dụng về tính phù hợp		

TRỘN:

Machine Translated by Google

Nukote Chemshield FC không đư ợc pha loãng trong bất kỳ trư ờng hợp nào. Tỷ lệ pha trộn cho Chemshield FC là 6:1 theo thể tích. Thêm 6 phần Base (A) vào 1 phần Hardener (B) vào một thùng trộn miệng rộng. Trộn nhẹ Mặt A (base) bằng máy khoan tốc độ chậm chịu lực nặng đư ợc trang bị mái chèo trộn hoặc máy trộn sơ n có bán trên thị trư ờng. Thêm mặt B (chất làm cứng) vào mặt A và trộn đều cho đến khi thu đư ợc màu đồng nhất không có vệt. Chemshield FC
đã sẵn sàng để áp dụng. Chỉ trộn lư ợng có thể sử dụng trong thời gian sử dụng. Vứt bỏ vật liệu khi vật liệu đã trộn bắt đầu đông lại và không cố gắng tái sử dụng bằng cách thêm chất pha loãng. Không nên trộn sản phẩm này bằng tay. Khi nhiệt độ môi trư ờng là 50 °F (10°C) hoặc thấp hơ n, sản phẩm có thể đư ợc đun nóng gián tiếp đến 70 –
75 °F (20-25 °C). Điều này sẽ giúp trộn dễ dàng hơ n và đẩy nhanh quá trình đông cứng và có thể ảnh hư ởng đến thời gian sử dụng của nồi. Vật liệu đã trộn sẽ tỏa nhiệt cao và nên sử dụng một lư ợng nhỏ để tránh lãng phí và trộn trong một thùng chứa miệng rộng, giữ bình trộn trong nư ớc lạnh/nư ớc đá nếu có thể.

CHUẨN BỊ BỀ MẶT:

Bê tông:

Bề mặt của sàn bê tông phải khô, nhẵn, kết cấu chắc chắn và không có vết lõm, vảy hoặc cặn bẩn lạ nào. Loại bỏ tất cả các hợp chất bảo dư ỡng. Thổi mài mòn, thổi quét hoặc phun nư ớc để loại bỏ tất cả vật liệu tiềm ẩn và làm lộ ra các lỗ rỗng. Sử dụng chất độn epoxy hoặc vữa chất lư ợng tốt để lấp đầy lỗ rỗng và vết nứt, lớp phủ mỏng hoặc sửa chữa. Sơ n lót, lấp đầy các khuyết điểm trên bề mặt nền để hạn chế thoát khí. Tất cả các nền bê tông, trên hoặc dư ới mặt đất phải đư ợc kiểm tra độ ẩm. Sàn hoặc tấm bê tông trên hoặc dư ới mặt đất phải đư ợc lắp đặt rào cản độ ẩm để bảo vệ khỏi độ ẩm của mặt đất. Việc chuẩn bị bề mặt bê tông phải đáp ứng và tuân thủ các tiêu chuẩn Joint NACE 6/SSPC-SP 13 và đạt đư ợc mặt cắt bê tông từ CSP 3 đến CSP 6 theo Hư ớng dẫn số 03732 của ICRI để có hiệu suất tối ư u.

Kim loại:

Tất cả các bề mặt phải sạch và không bị ô nhiễm. Bề mặt phải đư ợc đánh giá và xử lý theo
với ISO 8504, Phun mài mòn bề mặt đến mức tối thiểu NACE-1/SSPC SP-5/Sa 3, theo ISO 8501-1, để đánh giá trực quan độ sạch bề mặt với biên dạng neo từ 3 đến 4 mils (75 -100 micron). Muối hòa tan phải đư ợc loại bỏ đến mức chấp nhận đư ợc. Tham khảo hư ớng dẫn chuẩn bị bề mặt của NCSI để biết các quy trình chi tiết cho các loại chất nền khác nhau.

ỨNG DỤNG:

Sản phẩm này lý tư ởng nhất khi sử dụng thiết bị phun không khí. Thiết bị phun đư ợc Nukote khuyến nghị là GRACO EXTREME XP 70 hoặc tư ơ ng tự, giúp tránh hoàn toàn tình trạng mất vật liệu do nhiệt tỏa ra, tạo gel và thời gian sống của vật liệu. (Vui lòng liên hệ với bộ phận kỹ thuật của NCSI để biết loại Thiết bị và cấu hình). Vật liệu cấp bay cũng có sẵn cho ứng dụng sửa chữa và xây dựng lại kim loại có DFT cao hơ n. Chemshield FC đư ợc áp dụng trên các chất nền đư ợc sửa chữa đúng cách theo phư ơ ng pháp phù hợp nhất cho loại ứng dụng. Chi tiết ứng dụng đầy đủ đư ợc cung cấp trong SDS. Bảng dữ liệu bổ sung.

VỆ SINH THIẾT BỊ:

Sản phẩm đã đóng rắn có thể đư ợc xử lý mà không bị hạn chế. Các phần chất hoạt hóa và nhựa chư a đóng rắn phải đư ợc trộn lại với nhau và xử lý theo quy định của địa phư ơ ng. Các thùng chứa phải đư ợc xử lý theo luật và sắc lệnh về môi trư ờng của địa phư ơ ng.

HẠN CHẾ:

Không mở cho đến khi sẵn sàng sử dụng và bảo quản trong hộp kín sau khi mở. Không để ngoài nắng. Không tốt cho các ứng dụng dư ới 45 °F (7 °C).

Machine Translated by Google

CẢNH BÁO:

Sản phẩm này có chứa Amine và chất chữa bệnh

KHẢ NĂNG CHỐNG HÓA CHẤT:

Mỗi công thức sản phẩm Nukote có mức độ kháng hóa chất cụ thể khác nhau. Vui lòng xem lại dữ liệu thử nghiệm ngâm hóa chất có trong Sách thử nghiệm Nukote để biết khả năng kháng hóa chất cụ thể ở mức nồng độ cụ thể. Nồng độ hóa chất rất phức tạp và khi kết hợp với nhiệt độ cao hơ n mức môi trư ờng xung quanh, độ phức tạp này tăng theo cấp số nhân. Liên hệ với Nhân viên kỹ thuật Nukote để biết các khuyến nghị cụ thể về khả năng kháng hóa chất trư ớc khi chỉ định các sản phẩm này trong loại ứng dụng này. Tham khảo NCSI để biết thêm chi tiết về khả năng kháng hóa chất và sản phẩm. Biểu đồ sau đây là kết quả của Polyurea ngâm trong hóa chất và đư ợc thử nghiệm theo ASTM D 3912 đã sửa đổi.

Hóa chất	Sức chống cự	Hóa chất	Sức chống cự
Axit clohydric lên đến 33% ở nhiệt độ cao	R	Xylen, Toluen	R
Axit sunfuric 70%	R	Aceton, MEK	R
Axit sunfuric 50% ở nhiệt độ cao	R	Hydro Peroxide 30%	R
Axit Nitric 15%	R	Sản phẩm dầu mỏ tinh chế	R
Axit axetic 10%	R	Nư ớc thải, Nư ớc thải	R
Dầu thô, nhiên liệu phản lực	R	Hầu hết nư ớc thải công nghiệp	R
Nư ớc ở nhiệt độ 302 °F (150 °C)	R	Nhiên liệu Diesel, Xăng (không chì)	R
Dầu động cơ , chất bôi trơ n	R	Metanol, Etanol	R

R = Chịu đư ợc RC = Thay đổi bề mặt nhẹ hoặc đổi màu như ng không mất độ cứng

BẢO HÀNH VÀ MIỄN TRỪ TRÁCH NHIỆM:

Nukote Coating Systems International, một công ty tại Nevada, Hoa Kỳ bảo đảm rằng hai thành phần của sản phẩm này sẽ tuân thủ các thông số kỹ thuật đư ợc công bố trong tài liệu sản phẩm. Chất lư ợng và tính phù hợp của sản phẩm phụ thuộc vào việc pha trộn và ứng dụng đúng các thành phần của ngư ời ứng dụng. Nukote Coating Systems không có vai trò nào trong việc ứng dụng polyme thành phẩm ngoài việc sản xuất và cung cấp hai thành phần của nó. Điều quan trọng là ngư ời ứng dụng sản phẩm này phải hiểu sản phẩm và đư ợc đào tạo và cấp chứng chỉ đầy đủ về việc sử dụng nhiều thiết bị thành phần và ứng dụng nhiều vật liệu thành phần. Không có bảo hành nào vư ợt quá mô tả trên mặt của thiết bị này, ngoại trừ khi đư ợc cung cấp dư ới dạng văn bản, trực tiếp bởi Nukote Coating Systems International và đư ợc thực hiện dư ới sự chứng thực của một viên chức công ty.